

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

413

ĐTL 111

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA23TTC

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 3 / 2024

Phòng thi: ĐTL 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110123103	Thạch Quốc Huy	Hùng	17/09/2004	Nam	7.0	3.0	5.0	001	<u>Thạch</u>	
2	110123104	Bùi Thanh	Huy	07/09/2005	Nam	6.5	3.0	4.8	002	<u>Tu</u>	
3	110123105	Lê Tuấn	Huy	04/06/2005	Nam	6.0	3.8	4.9	003	<u>Huy</u>	
4	110123106	Nguyễn Đoàn Nhật	Huy	30/05/2005	Nam	6.0	3.0	4.5	004	<u>Đoàn</u>	
5	110123107	Thạch Đức	Huy	03/09/2005	Nam	6.0	2.3	4.2	005	<u>Đ</u>	
6	110123108	Nguyễn Thị Bích	Huyền	08/03/2005	Nữ	7.5	3.0	5.3	006	<u>Bích</u>	
7	110123109	Hồ Tuấn	Hưng	17/07/2005	Nam	7.0	3.0	5.0	007	<u>Hưng</u>	
8	110123110	Huỳnh Minh	Khang	12/11/2005	Nam	7.0	3.8	5.4	008	<u>Minh</u>	
9	110123111	Lê Minh	Khang	21/12/2005	Nam	6.0	4.3	5.2	009	<u>Minh</u>	
10	110123112	Nguyễn Hoàng	Khang	08/09/2005	Nam	6.5	3.3	4.9	010	<u>Hoàng</u>	
11	110123113	Phan Hoàng	Khang	21/03/2005	Nam	6.0	3.5	4.8	011	<u>Phan</u>	
12	110123114	Huỳnh Quốc	Khánh	08/09/2005	Nam	5.0	4.8	4.9	012	<u>Quốc</u>	
13	110123115	Nguyễn Gia	Khánh	06/08/2005	Nam	6.5	3.3	4.9	013	<u>Gia</u>	
14	110123116	Trần Quốc	Khánh	13/05/2005	Nam	6.0	3.5	4.8	014	<u>Quốc</u>	
15	110123117	Nguyễn Đăng	Khôi	08/03/2005	Nam	6.5	4.3	5.4	015	<u>Đăng</u>	
16	110123119	Hà Thanh Trường	Lam	19/02/2004	Nam	6.5	3.8	5.2	016	<u>Trường</u>	
17	110123121	Trần Thị Thu	Lan	28/08/2005	Nữ	7.0	4.5	5.8	017	<u>Thu</u>	
18	110123122	Trương Trí	Lâm	21/01/2005	Nam	7.0	3.3	5.2	018	<u>Trí</u>	
19	110123123	Lê Tấn	Lộc	08/12/2005	Nam	5.5	3.5	4.5	019	<u>Tấn</u>	
20	110123125	Nguyễn Phúc Bảo	Lộc	04/02/2005	Nam	6.0	3.5	4.8	020	<u>Bảo</u>	
21	110123126	Nguyễn Phước	Lộc	17/10/2005	Nam	6.5	3.8	5.2	021	<u>Phước</u>	
22	110123127	Nguyễn Chí	Linh	27/10/2004	Nam	7.0	2.8	4.9	022	<u>Chí</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phước Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

4/3

ĐJ1.112

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA23TTC

CBGD: Trần Văn Bôi (ML02)

Hình thức đánh giá: Tự luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04/3/2024

Phòng thi: ĐJ1.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110123128	Trương Thị Thảo	Linh	15/01/2005	Nữ	—	—	—	—	—	—
2	110123129	Trần Thiên	Long	12/09/2005	Nam	7.0	3.0	5.0	002	Long	—
3	110123130	Trần Duy	Luận	18/06/2005	Nam	6.5	3.3	4.9	003	Duy	—
4	110123131	Kim Tấn	Luật	20/02/2005	Nam	6.0	2.8	4.4	004	Kim	—
5	110123133	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	18/08/2002	Nữ	7.0	2.8	4.9	005	Mai	—
6	110123134	Huỳnh Văn	Mới	06/07/2004	Nam	7.5	4.3	5.9	006	Huỳnh	—
7	110123135	Lâm Quang	Minh	01/01/2004	Nam	6.0	2.5	4.3	007	Quang	—
8	110123137	Ngô Minh	Mẫn	20/01/2005	Nam	6.5	2.5	4.5	008	Minh	—
9	110123139	Lương Thành	Nam	21/02/2005	Nam	6.5	3.5	5.0	009	Thành	—
10	110123142	Kim Thái	Nguyễn	07/11/2005	Nam	—	—	—	—	—	—
11	110123143	Phạm Thảo	Nguyễn	07/12/2005	Nữ	7.0	4.3	5.7	011	Phạm	—
12	110123144	Thạch Tài	Nguyễn	27/03/2005	Nam	7.0	2.6	4.8	012	Tài	—
13	110123145	Từ Chí	Nguyễn	16/12/2002	Nam	6.5	3.3	4.9	013	Chí	—
14	110123146	Nguyễn Hoàng	Nhanh	02/01/2005	Nam	—	—	—	—	—	—
15	110123147	Đỗ Thành	Nhân	16/02/2005	Nam	6.5	3.8	4.7	015	Thành	—
16	110123148	Nguyễn Trung	Nhân	18/06/2005	Nam	6.5	3.0	4.8	016	Trung	—
17	110123150	Mai Thị Yến	Nhi	16/03/2005	Nữ	—	—	—	—	—	—
18	110123152	Lý Thị Kim	Như	23/07/2005	Nữ	—	—	—	—	—	—
19	110123153	Nèang Sây	Ôn	18/01/2005	Nữ	6.5	3.0	4.8	019	Nèang	—
20	110123247	Nguyễn Thị Thu	Ngân	24/01/2005	Nữ	7.0	4.5	5.8	020	Thu	—
21	110123250	Nguyễn Trung	Trực	05/04/2005	Nam	6.5	3.0	4.8	022	Trung	—
22	110123251	Phạm Hữu	Nghĩa	04/04/2005	Nam	6.5	3.8	5.2	021	Hữu	—

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: —

Tổng số tờ: —

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Bôi

Cán bộ coi thi 2: —

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA23TTC

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....04...../.....3...../.....2024.....

Phòng thi:.....D.H. 1.1.3.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110123252	Phạm Minh	Nhật	19/04/2005	Nam	6.0	1,8	3,9	017	Minh		
2	110123253	Phạm Phúc	Khang	20/01/2005	Nam	7.0	5,5	6,3	018	Phúc		
3	110123254	Thạch Huỳnh	Hoa	28/10/2004	Nam	7.0	3,5	5,3	019	Huỳnh		
4	110123255	Thạch Nam	Anh	13/08/2005	Nam	6.5	4,5	5,5	020	Nam		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....04.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:04.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....04.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày ..22.. tháng ..03.. năm ..2024

Cán bộ coi thi 1:.....Trần Thị Kim Ngọc.....

Cán bộ ghi điểm:.....Lê Cao Dương Phương Lan.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....Lê.....

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

04/3

C71.204

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA23TTD

CBGD: Trần Văn Bôi (ML02)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 3 / 2024

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110123154	Nguyễn Đại	Phát	06/12/2005	Nam	6.0	4.0	5.0	001	AR	
2	110123155	Võ Tấn	Phát	21/09/2005	Nam	6.5	5.5	6.0	002	AM	
3	110123157	Trần Đình	Phú	16/02/2005	Nam	6.0	4.0	5.0	003	ND	
4	110123159	Phan Huỳnh	Phúc	11/11/2005	Nam	6.0	5.0	5.5	004	Phuc	
5	110123160	Phan Thanh	Phúc	25/10/2005	Nam	6.5	3.0	4.8	005	Thanh	
6	110123161	Lê Vũ Duy	Phương	10/06/2005	Nam	6.0	2.8	4.4	006	Duy	
7	110123162	Trần Minh	Quang	02/10/2005	Nam	6.5	3.8	5.2	007	Quang	
8	110123163	Nguyễn Kiên	Quốc	03/05/2005	Nam	6.0	4.3	5.2	008	Kien	
9	110123166	Lê Thanh	Sang	17/07/2005	Nam	6.5	2.8	4.7	009	Sang	
10	110123167	Lê Thanh	Sang	26/01/2005	Nam	7.0	4.0	5.5	010	Sang	
11	110123168	Trần Hoàng	Sang	17/02/2005	Nam	7.0	3.8	5.4	011	Hoang	
12	110123169	Lê Ngọc	Sơn	02/05/2005	Nam	6.5	3.8	5.2	012	Son	
13	110123170	Đinh Thái	Tài	02/08/2005	Nam	6.5	2.5	4.5	013	Tai	
14	110123171	Nguyễn Đỗ Minh	Tài	17/12/2005	Nam	6.0	3.3	4.7	014	Minh	
15	110123172	Thạch Kim	Tài	22/03/2005	Nam	7.0	4.0	5.5	015	Kim	
16	110123173	Võ Anh	Tài	13/08/2005	Nam	6.5	3.8	5.2	016	Anh	
17	110123174	Lê Huỳnh Hiếu	Tâm	25/02/2005	Nam	6.5	4.5	5.5	017	Hieu	
18	110123177	Nguyễn Văn	Thân	24/12/2003	Nam	-	-	-	-	-	
19	110123178	Phạm Tri	Thức	29/04/2005	Nam	6.0	4.0	5.0	019	Tri	
20	110123179	Nguyễn Văn Hoàng	Thiên	18/05/2005	Nam	6.5	4.3	5.4	020	Thien	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Huỳnh Dương Tuấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 90%, Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 04 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phước Lan

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

413
671.205

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA23TTD

CBGD: Trần Văn Bôi (ML02)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
04/03/2024

Phòng thi: C71.205

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110123180	Lê Nhất	Thiện	23/10/2005	Nam	6.0	3,5	4.8	001	TN	
2	110123181	Nguyễn Thanh	Thịnh	07/08/2005	Nam	7.0	4,0	5,5	002	Thanh	
3	110123183	Huỳnh Thị Phương	Thùy	09/05/2005	Nữ	6.0	3,3	4,7	003	Thùy	
4	110123184	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	19/10/2005	Nam	6.5	3,3	4,9	004	Thư	
5	110123185	Nguyễn Hữu	Tiến	21/05/2005	Nam	6.5	3,8	5,2	005	Ung	
6	110123186	Trần Trung	Tín	24/08/2005	Nam	6.5	2,5	4,5	006	T	
7	110123187	Đặng Cao	Toàn	05/10/2005	Nam	6.0	4,8	5,4	007	Toàn	
8	110123188	Trương Văn	Toàn	28/12/2005	Nam	6.5	2,3	4,4	008	Tr	
9	110123189	Ngô Thanh	Trà	03/09/2005	Nam	6.0	4,0	5,0	009	Thanh	
10	110123191	Phạm Thị Bảo	Trâm	11/07/2005	Nữ	7.0	3,5	5,3	010	Tram	
11	110123192	Phạm Quý Ngọc	Trần	16/11/2005	Nữ	6.5	4,3	5,4	011	Tran	
12	110123195	Nguyễn Đức	Trọng	23/11/2005	Nam	6.0	3,0	4,5	012	Trung	
13	110123197	Kim Thanh	Tùng	01/11/2005	Nam	6.5	3,3	4,9	013	Tung	
14	110123198	Nguyễn Trần Phương	Uyên	21/05/2005	Nữ	—	—	—	—	—	
15	110123199	Nguyễn Thị Triệu	Vi	18/04/2003	Nữ	7.0	3,5	5,3	015	Vi	
16	110123201	Phạm Quốc	Vện	23/11/2005	Nam	3.5	—	—	—	—	
17	110123203	Tạ Hằng	Vũ	10/05/2005	Nam	6.5	3,5	5,0	017	Vu	
18	110123204	Trần Lê Lan	Vy	03/02/2005	Nữ	6.5	3,0	4,8	018	Vy	
19	110123205	Phạm Thị Như	Ý	04/12/2005	Nữ	7.0	4,5	5,8	019	Pham	
20	110123256	Thạch	Thiên	26/06/2004	Nam	3.0	—	—	—	—	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1: Thư Nguyễn Anh phi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thư Cao Dương phước y lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thư

Nguyễn Thị Lành

0413

C71.206

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần I
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA23TTD

CBGD: Trần Văn Bôi (ML02)

Hình thức đánh giá: *TN*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04/3/2024

Phòng thi: *C71.206*

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110123257	Thang Kim Hoàng	26/08/2004	Nam	6.5						
2	110123258	Trần Minh	07/03/2005	Nam							
3	110123259	Trương Duy	09/03/2005	Nam	6.0	3.8	4.9	008	<i>Tân</i>		
4	110123260	Trương Hoàng	02/01/2002	Nam	6.5	2.8	4.7	009	<i>Tân</i>		
5	110123261	Trương Minh	18/04/2005	Nam	6.0	4.0	5.0	010	<i>Đ</i>		
6	110123262	Trương Tấn	06/05/2004	Nam	6.0	3.8	4.9	014	<i>Phát</i>		
7	110123263	Trương Truyền Phúc	10/11/2005	Nam	6.5	4.3	5.4	011	<i>Phát</i>		
8	110123264	Nguyễn Hà Nhật	12/02/1997	Nam	6.5	4.8	5.7	016	<i>Minh</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: *08*

Tổng số sv, hs dự đánh giá: *06*

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: *06*

Tổng số tờ: *06*

Điểm QT: *50*%; Điểm KT: *50*%

Trà Vinh, Ngày *29* tháng *03* năm *2024*

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Thị Nhân*

Cán bộ ghi điểm: *Nguyễn Cao Dương Phước Lan*

Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Thị Lãnh*

Cán bộ kiểm tra: *Nguyễn Thị Lãnh*

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

04/3

071.109

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA23XD

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Điểm nghiên cứu

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04/03/2024

Phòng thi: 071.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111723001	Lê Hoài Bảo	08/11/2005	Nam	7.0	3.0	5.0	011	<u>Bao</u>		
2	111723002	Võ Minh Châu	16/02/2005	Nữ							
3	111723003	Kim Văn Công	06/04/2005	Nam	6.5	4.3	5.4	003	<u>Kim</u>		
4	111723004	Kim Hoàng Duy	22/08/2005	Nam	7.0	3.0	5.0	004	<u>Kim</u>		
5	111723005	Nguyễn Khánh Duy	13/04/2005	Nam	7.5	4.3	5.9	005	<u>KDuy</u>		
6	111723006	Hồ Thanh Đạt	13/12/2005	Nam	7.0						
7	111723007	Đặng Chí Hào	04/09/2005	Nam	7.0	3.3	5.2	007	<u>Hào</u>		
8	111723008	Trần Nhật Hào	10/11/2005	Nam	7.5	4.8	6.2	008	<u>Hào</u>		
9	111723009	Ngô Thành Hiếu	29/01/2004	Nam	7.0	2.3	4.7	009	<u>Ngô</u>		
10	111723011	Lâm Quang Huy	10/11/2005	Nam	7.0	3.5	5.3	010	<u>Huy</u>		
11	111723013	Trần Lâm Hoàng Khang	14/09/2005	Nam	7.0	2.8	4.9	011	<u>Khang</u>		
12	111723014	Nguyễn Tuấn Kiệt	21/12/2005	Nam	7.0	4.8	5.9	012	<u>Kiệt</u>		
13	111723015	Dương Thanh Liêm	17/11/2005	Nam	7.0	3.8	5.4	013	<u>Liêm</u>		
14	111723016	Nguyễn Thị Hoài Tâm	22/04/2005	Nữ	8.5	4.8	6.7	014	<u>Thị</u>		
15	111723017	Huỳnh Lan Thanh	02/09/2005	Nữ							
16	111723018	Nguyễn Quốc Thiện	21/09/2005	Nam	7.5	3.8	5.7	016	<u>Thiện</u>		
17	111723019	Trần Hoàng Thịnh	13/12/2005	Nam	7.5	3.8	5.7	017	<u>Thịnh</u>		
18	111723020	Tô Thanh Thảo	09/06/2005	Nữ	8.0	4.8	6.4	018	<u>Thảo</u>		
19	111723021	Nguyễn Minh Thư	03/02/2005	Nữ	7.0	4.3	5.7	019	<u>Thư</u>		
20	111723022	Chung Nhật Tiến	23/08/2005	Nam	7.0	2.8	4.9	020	<u>Tiến</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ: 17

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Chánh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Giáo Cao Dương Phước Lan

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA23XD

CBGD: Trần Văn Bôi (ML02)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 03 / 2024

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111723023	Trần Trung	Tín	16/03/2005	Nam	—	—	—	—	—	—
2	111723024	Sơn Ngọc	Tôn	18/11/2005	Nam	7.5	3.5	5.5	001	—	—
3	111723025	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	26/08/2005	Nữ	8.0	4.8	6.4	002	—	—
4	111723026	Đào Duy	Tường	29/04/2005	Nam	7.0	4.0	5.5	003	—	—
5	111723027	Võ Khánh	Dư	16/08/2004	Nam	6.5	2.8	4.7	004	—	—
6	111723029	Lê Minh	Hiếu	07/03/2004	Nam	8.0	3.8	5.9	005	—	—
7	111723030	Cao Quốc	Khiêm	02/09/2005	Nam	7.0	3.5	5.3	006	—	—
8	111723032	Thạch Trường	Khoa	10/04/2005	Nam	7.0	3.8	5.4	007	—	—
9	111723034	Trương Thị Kim	Ngân	16/01/2003	Nữ	8.0	5.8	6.9	008	—	—
10	111723036	Thạch Sa	Run	01/01/1999	Nam	—	—	—	—	—	—
11	111723037	Đặng Anh	Sơn	31/01/2005	Nam	—	—	—	—	—	—
12	111723038	Lê Phúc	Thọ	09/02/2005	Nam	7.0	2.3	4.7	011	—	—
13	111723039	Chế Quách	Trọng	02/11/2005	Nam	7.0	2.3	4.7	012	—	—
14	111723040	Nguyễn Thanh	Tuấn	24/11/2005	Nam	6.5	3.0	4.8	013	—	—
15	111723041	Trần Thị Mộng	Tuyền	05/09/2003	Nữ	7.5	4.0	5.8	014	—	—
16	111723042	Dư Gia	Bảo	18/08/2005	Nam	7.0	—	—	—	—	—
17	111723043	Hem Sa Ra	Vuth	09/01/2005	Nam	7.0	2.8	4.9	016	—	—
18	111723044	Lê Hữu	Tài	14/11/2005	Nam	6.5	3.3	4.9	017	—	—
19	111723045	Mai Văn Trọng	Nghĩa	05/04/2005	Nam	—	—	—	—	—	—

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ: 14

Tổng số tờ: 14

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Luyen

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

4/3
ĐH1-113

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA23XDGT

CBGD: Trần Văn Bôi (ML02)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 03 / 2024

Phòng thi: ĐH1-113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116823001	Lâm Nguyễn Hoàng An	11/05/2005	Nam	6.5	3,8	5,2	001	<u>th</u>		
2	116823002	Nguyễn Duy Anh	24/03/2005	Nam	6.0	4,3	5,2	002	<u>anh</u>		
3	116823003	Võ Thị Mỹ Diên	13/01/2005	Nữ	7.0	4,0	5,5	003	<u>Diên</u>		
4	116823004	Nguyễn Phú Hào	22/12/2005	Nam	7.0	4,3	5,7	004	<u>Hào</u>		
5	116823005	Hà Huỳnh Huy	01/12/2005	Nam	6.5	3,0	4,8	005	<u>thuy</u>		
6	116823006	Nguyễn Phúc Hưng	19/05/2005	Nam	7.0	4,8	5,9	006	<u>Hưng</u>		
7	116823007	Nguyễn Hoàng Khang	27/12/2005	Nam	7.0	3,0	5,0	007	<u>K</u>		
8	116823008	Phan Tấn Lộc	09/10/2005	Nam	7.0	3,0	5,0	008	<u>Phan</u>		
9	116823009	Dương Thiện Nhân	07/12/2005	Nam	7.5	5,5	6,5	009	<u>Nhân</u>		
10	116823010	Phan Khánh Thiện	19/02/2005	Nam	6.0	3,3	4,7	010	<u>Thiện</u>		
11	116823011	Trần Kiến Hào	05/04/2005	Nam	6.5	2,8	4,7	011	<u>Hào</u>		
12	116823012	Nguyễn Trần Minh Hiếu	10/12/2005	Nam	6.0	3,5	4,8	012	<u>Hiếu</u>		
13	116823013	Nguyễn Trọng Nhân	21/01/2005	Nam	6.0	2,8	4,4	013	<u>Nhân</u>		
14	116823014	Lê Thị Ngọc Nhi	01/07/2005	Nữ	7.0						
15	116823015	Nguyễn Quốc Toàn	29/09/2004	Nam	6.5	4,0	5,3	015	<u>Toàn</u>		
16	116823016	Châu Vĩnh Tường	21/01/2005	Nam	6.5	3,8	5,2	016	<u>Tường</u>		
17	116823017	Võ Minh Châu	16/02/2005	Nữ	7.0	4,0	5,5	021	<u>Châu</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA23VH

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
04 / 3 / 2024

Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112523001	Sơn Quách Minh	Anh	26/06/2004	Nữ	7.5	4.0	5.8	001	<u>[Signature]</u>	
2	112523003	Danh	Hận	06/07/2002	Nam	6.5	4.3	5.4	002	<u>[Signature]</u>	
3	112523005	Võ Minh	Nhật	25/06/2004	Nam	6.5	6.0	6.3	003	<u>[Signature]</u>	
4	112523006	Nguyễn Đỗ Quán	Quân	05/11/2005	Nam	7.0	3.8	5.2	004	<u>[Signature]</u>	
5	112523008	Danh Ngọc	Tài	05/04/2005	Nam	6.0	2.5	4.3	005	<u>[Signature]</u>	
6	112523010	Sơn Thị Bảo	Trân	08/06/2005	Nữ	7.5	2.8	5.2	006	<u>[Signature]</u>	
7	112523014	Đỗ Thanh	Vân	24/04/2004	Nam	7.0	4.8	5.9	007	<u>[Signature]</u>	
8	112523015	Bùi Văn	Phong	15/10/2002	Nam						
9	112523016	Huỳnh Văn	Kha	01/01/2000	Nam	6.0	3.3	4.7	012	<u>[Signature]</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08

Tổng số tờ: 08

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: [Signature]

Cán bộ ghi điểm: [Signature] Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: [Signature]

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

[Signature]
Nguyễn Thị Lành